TECHCOMBANK – KẾT QUẢ KINH DOANH 9 THÁNG NĂM 2024

Kết quả kinh doanh tích cực nhờ tăng trưởng thu nhập lãi và quản trị chi phí

KẾT QUẢ NỔI BẬT

- Lợi nhuận trước thuế (LNTT) đạt 22,8 nghìn tỷ đồng – tăng 33,5% N/N
- Tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 37,4 nghìn tỷ đồng – tăng 28,9% N/N
- Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) đạt 40,5%. Số dư CASA, bao gồm số dư Sinh lời tự động, đạt mức cao kỷ lục 200 nghìn tỷ đồng
- Tỉ lệ an toàn vốn (CAR) theo Basel II tăng lên 15,1% và tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) tiếp tục duy trì vị thế đầu ngành, đạt 2,6%.

Hanoi, 21 tháng 10 năm 2024 - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ("Techcombank" hoặc "Ngân hàng") công bố kết quả kinh doanh 9 tháng năm 2024.

"Trong quý 3/2024, Techcombank tiếp tục ghi nhận những kết quả kinh doanh tăng trưởng vượt trội với các chỉ số được duy trì trong nhóm các ngân hàng hiệu quả dẫn đầu thị trường. Cụ thể, tổng thu nhập hoạt động không bao gồm thu từ nợ đã xử lý bằng nguồn DPRR, và lợi nhuận trước thuế tăng 11,3% và 23,5% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) và biên lãi thuần (NIM) duy trì ở mức cao trên 40% và 4% trong khi tỷ lệ nợ xấu ở mức 1,35%. Tốc độ tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng huy động cao hơn toàn ngành, đặc biệt nhu cầu vay mua nhà đã thúc đẩy dư nợ tín dụng cá nhân tăng 6,0% so với quý 2.

Về mặt hoạt động, quý 3/2024 ghi nhận những bước đi mới của Ngân hàng, đặc biệt với mảng kinh doanh bảo hiểm, với hai sự kiện quan trọng trong tháng 10: Techcombank đạt được thỏa thuận ngừng mối quan hệ đối tác độc quyền với Manulife, đồng thời công bố góp vốn thành lập Công ty cổ phần Bảo hiểm phi nhân thọ Techcom (TCGIns). Đây là những bước đi chiến lược nhằm mở rộng hệ sinh thái tài chính toàn diện, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng."

- Jens Lottner – Techcombank CEO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- **Trong 9 tháng đầu năm 2024, thu nhập lãi thuần (NII)** đạt 26,9 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng tích cực 33,9% N/N. NIM (trượt 12 tháng) duy trì tại 4,3%, đi ngang so với quý trước và tăng so với mức 4,1% của cùng kỳ năm trước. NIM theo quý vẫn được duy trì trên 4%, dù ghi nhận mức giảm so với quý 2 do Ngân hàng gia tăng hỗ trợ lãi suất cho khách hàng, cạnh tranh trong lãi suất đầu ra, cũng như chi phí vốn (do lãi suất huy động) tăng lên. Diễn biến này phù hợp với dự báo Ban lãnh đạo đã đưa ra trước đó.
- **Thu nhập từ hoạt động dịch vụ (NFI)** ghi nhận tăng 17,1% N/N lên mức 8,3 nghìn tỷ đồng. Kết quả kinh doanh cụ thể của từng sản phẩm như sau:
  - ✓ **Thu từ thư tín dụng (LC), tiền mặt và thanh toán đạt 2.958 tỷ đồng, giảm 8,1% N/N:** thu nhập phí giảm chủ yếu do những thay đổi trong khung pháp lý của môi trường hoạt động của mảng thư tín dụng (LC), và những thay đổi trong biến động lãi suất, dẫn đến việc sụt giảm nhu cầu cho sản phẩm UPAS LC.
  - ✓ **Phí dịch vụ ngân hàng đầu tư đạt 2.541 tỷ đồng, tăng 110,6% N/N:** trong đó, riêng quý 3 ghi nhận gần 750 tỷ đồng, tăng 23,3% N/N. Nguồn thu tuy có suy giảm so với mức kỷ lục/quý (1 nghìn tỷ đồng) của quý 2/2024, nhưng vẫn ở mức rất tích cực, đặc biệt trong bối cảnh hoạt động tư vấn phát hành và phân phối trái phiếu, dù cải thiện nhưng vẫn còn ở mức thấp.
  - ✓ **Thu phí từ dịch vụ thẻ đạt 1.506 tỷ đồng, đi ngang so với cùng kỳ năm trước:** Xu hướng đi ngang phản ánh mức nền cao của cùng kỳ năm trước, trong khi Ngân hàng đẩy mạnh đầu tư vào các chiến dịch tái định vị thẻ và các chương trình khách hàng thân thiết, kiến tạo trải nghiệm vượt trội cho khách hàng. Nhắc lại, với thị phần và tốc độ tăng trưởng vượt trội, thu phí từ dịch vụ thẻ đã tăng mạnh 34% trong năm 2023, sau khi đã tăng tới 172% trong năm 2022.
  - ✓ **Thu từ dịch vụ ngoại hối đạt 610,3 tỷ đồng, giảm 16,5% N/N:** mức giảm của tổng thu từ dịch vụ ngoại hối đến từ việc suy giảm (so với nền cao) trong nhu cầu của khách hàng với các sản phẩm phái sinh tỷ giá, chủ yếu do diễn biến của tỷ giá và lãi suất trong kỳ.
  - ✓ **Thu từ phí dịch vụ bảo hiểm đạt 594,1 tỷ đồng, tăng 29,8% N/N:** mức độ tăng trưởng phản ánh sự khác biệt trong sản phẩm may đo cho nhu cầu khách hàng của Techcombank khi thị trường chứng kiến niềm tin của người tiêu dùng dần quay trở lại, mặc dù còn ở mức độ khá thấp.

- Ngân hàng ghi nhận 1.367 tỷ đồng **thu nhập từ các hoạt động khác,** tăng trưởng 3,9% N/N. Phần lớn thu nhập khác đã được ghi nhận trong nửa đầu 2024 khi Techcombank thực hiện tất toán, ghi nhận lãi từ một số khoản kinh doanh trái phiếu.
- **Thu từ nợ đã xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro** (DPRR) đạt 391,3 tỷ đồng trong quý 3, tăng 88,2% N/N và đạt 829,1 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2024, tăng 59,5% N/N.
- **Chi phí hoạt động** tăng 10,2% N/N lên mức 10,6 nghìn tỷ đồng. Tính riêng quý 3, chi phí này giảm 5,5% N/N và giảm 13,1% Q/Q còn 3,4 nghìn tỷ đồng. Nhờ vậy, tỷ lệ chi phí/ thu nhập (CIR) của 9 tháng năm 2024 đi ngang ở ngưỡng 28,4%.
- **Chi phí dự phòng** ghi nhận 3.964 tỷ đồng, tăng 73,4% N/N. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu tăng trưởng tích cực lên 103,4% tại cuối tháng 9/2024, từ mức 101,0% cuối tháng 6/2024.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại cuối tháng 9/2024, tổng tài sản của Techcombank đạt 927,1 nghìn tỷ đồng, tăng 9,1% so với đầu năm và 18,7% N/N. Tính riêng Ngân hàng, tín dụng tăng trưởng 17,4% so với đầu năm lên 622,1 nghìn tỷ đồng.

- **Trên cơ sở hợp nhất, tín dụng cá nhân là động lực dẫn dắt tăng trưởng trong quý 3.** Dư nợ khách hàng cá nhân tăng 6,0% Q/Q, gấp đôi mức tăng dư nợ khách hàng doanh nghiệp (bao gồm cho vay & trái phiếu doanh nghiệp).
    - **Tăng trưởng tín dụng cá nhân** được thúc đẩy bởi mảng cho vay mua nhà, tăng 6,6% Q/Q và 13,2% so với đầu năm lên mức cao kỷ lục 193,6 nghìn tỷ đồng. Đáng chú ý, số dư trả trước hạn vay mua nhà giảm xuống mức thấp nhất trong 1 năm trở lại, trong khi khối lượng giải ngân trong quý tiếp tục đạt mức cao, hơn 28 nghìn tỷ đồng.
- **Tín dụng doanh nghiệp** ghi nhận mức tăng 2,9% Q/Q và 16,3% so với đầu năm lên 395,1 nghìn tỷ đồng. Chiến lược đa dạng hóa tín dụng ghi nhận những diễn biến tích cực khi tín dụng bất động sản đi ngang so với quý trước
- **Tiền gửi của khách hàng** đạt 495,0 nghìn tỷ đồng, tăng 8,9% so với đầu năm và 21,0% N/N. Dẫn dắt bởi kết quả khả quan từ tính năng Sinh lời tự động mới, số dư CASA của Ngân hàng đạt mức cao kỷ lục 200,3 nghìn tỷ đồng, góp phần đưa tỷ lệ CASA lên 40,5%.

THANH KHOẢN VÀ NGUỒN VỐN

- Vị thế vốn của Ngân hàng vẫn được duy trì mạnh mẽ, với tỷ lệ cho vay trên tiền gửi (LDR) là 82,2% tại 30/09/2024, dưới mức trần 85% theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (NHNN). **Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn** ở mức 24,2%, đi ngang so với cùng kỳ quý trước.
- **Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo Basel II của Ngân hàng cải thiện lên mức 15,1%** tại 30/09/2024, cao hơn nhiều so với yêu cầu của trụ cột I, Basel II (8,0%) và phù hợp với ngưỡng mục tiêu 14-15%.

CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN

- **Tỷ lệ dư nợ cần chú ý** (B2) duy trì ở mức 0,86% với dư nợ nhóm này tăng nhẹ lên 5.163 tỷ đồng (từ mức 4.855 tỷ đồng tại cuối quý 2). Dư nợ B2 mới hình thành trong kỳ tăng do ảnh hưởng của CIC, trong khi dư nợ B2 mới của riêng Ngân hàng giảm còn 1,9 nghìn tỷ đồng (so với mức gần 2 nghìn tỷ đồng tại cuối quý 2)
- **Tỷ lệ nợ xấu (NPL)** tăng nhẹ lên 1,35%, từ 1,28% tại cuối quý trước. Trong đó, tỷ lệ NPL trước ảnh hưởng của CIC là 1,16%.

CÁC CÔNG TY CON

- Trong quý 3/2024, TCBS ghi nhận **1.097 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế** (đi ngang so với cùng kỳ năm trước và giảm 31,9% so với quý trước), đưa lũy kế 9 tháng đầu năm 2024 đạt 3.869 tỷ đồng, tăng 28,9% N/N, **hoàn thành 105% kế hoạch cả năm**.
- TCBS tiếp tục củng cố vị thế về môi giới chứng khoán với việc đây là quý thứ 4 liên tiếp TCBS duy trì vị trí top 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất trên sàn HOSE (7,09%). Đồng thời, TCBS cũng giữ g vị trí thứ 2 trên sàn HNX (7,89% thị phần) trong quý thứ 3 liên tiếp. Điều này cho thấy TCBS là lựa chọn hàng đầu của nhà đầu tư nhờ vào chất lượng dịch vụ và chiến lược Zero fee.
- Trong 9 tháng 2024, khối lượng trái phiếu do TCBS tư vấn phát hành đạt khoảng 40 nghìn tỷ đồng, tương đương 44% thị phần (không bao gồm trái phiếu do các ngân hàng phát hành). Cũng trong khoảng thời gian này, khối lượng trái phiếu được TCBS phân phối đạt hơn 57 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng ấn tượng 52,1% N/N, phản ánh nhu cầu cao của khách hàng với loại hình tài sản trái phiếu doanh nghiệp.
- Việc đầu tư mạnh mẽ cho hạ tầng công nghệ đã giúp TCBS mang lại trải nghiệm vượt trội cho khách hàng. Trong 9 tháng năm 2024, hệ thống TCInvest ghi nhận hiệu suất

ấn tượng với hơn 86.400 khách hàng mới, trung bình 166 triệu lượt truy cập mỗi tháng. Mức độ hài lòng của người dùng đối với ứng dụng TCInvest trên Appstore và CHPlay duy trì ở mức điểm cao trên 4/5. TCBS tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong trong lĩnh vực Fintech với việc ứng dụng công nghệ Generative AI (Gen AI) vào nhiều giải pháp đột phá, mang lại trải nghiệm vượt trội cho khách hàng.

KHÁCH HÀNG VÀ CÁC DẤU ẤN KINH DOANH KHÁC TRONG KỲ

Khách hàng mới và giao dịch qua kênh điện tử

Techcombank kết thúc 9 tháng 2024 với ~14,8 triệu khách hàng, thu hút thêm gần 500.000 khách hàng mới trong quý. 57,4% khách hàng cá nhân gia nhập thông qua nền tảng số và 42,1% từ kênh chi nhánh, nhờ Ngân hàng đẩy mạnh mở rộng nhóm khách hàng nhà bán lẻ (merchant) thông qua những giải pháp như Sinh lời tự động, Soft POS, và những chương trình khác nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng cá nhân.

Số lượng giao dịch của khách hàng cá nhân qua các kênh ngân hàng điện tử đạt 850,5 triệu trong quý 3/2024, tăng 8,9% Q/Q và 47,2% N/N. Tổng giá trị giao dịch qua kênh ngân hàng điện tử trong quý 3 đạt 2,7 triệu tỷ đồng tăng 10,7% N/N. Lũy kế 9 tháng, khối lượng và giá trị giao dịch của khách hàng cá nhân qua kênh số đạt 2,3 tỷ giao dịch và 8,2 triệu tỷ đồng, lần lượt ghi nhận tăng trưởng 53,5% và 20,3% N/N.

FiinRatings nâng hạng tín nhiệm Techcombank lên AA- dựa trên kết quả tích cực về khả năng huy động vốn và thanh khoản

Trong tháng 8, tổ chức xếp hạng tín nhiệm FiinRatings đã nâng xếp hạng Tín nhiệm dài hạn đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) từ A+ lên 'AA-', triển vọng "Ổn định", trong bối cảnh mức xếp hạng cơ bản cho ngành ngân hàng Việt Nam chỉ ở mức "a-".

Theo FiinRatings, xếp hạng tín nhiệm cao ở mức AA- của Techcombank phản ánh hồ sơ tín dụng của Ngân hàng sẽ duy trì ổn định trong 24 tháng tới, nhờ vào vị thế kinh doanh vững chắc, cùng thế mạnh về hồ sơ vốn, thanh khoản và khả năng sinh lời. "Hồ sơ nguồn vốn và thanh khoản của Techcombank có sự cải thiện nhất định so với thời điểm xếp hạng tín nhiệm ban đầu, nhờ vào việc Ngân hàng không ngừng thực hiện các kế hoạch gia tăng thêm nguồn vốn ổn định, cùng với việc thanh khoản của Techcombank vẫn được đảm bảo qua kịch bản kiểm tra sức chịu đựng của FiinRatings" – công bố xếp hạng đánh giá.

Theo FiinRatings, Techcombank đã tiếp tục tận dụng thế mạnh cốt lõi của mình về cơ sở khách hàng, và chiến lược cho vay có sự mở rộng lành mạnh hơn, do đó hỗ trợ sự ổn định và đa dạng hóa kinh doanh của Ngân hàng. “Những nỗ lực đa dạng hóa của Ngân hàng cũng được thể hiện qua hoạt động tín dụng doanh nghiệp, với việc cho vay vào các ngành ngoài bất động sản trở thành động lực tăng trưởng tín dụng trong năm 2023-2024, và dự kiến sẽ là chiến lược ưu tiên hàng đầu của ngân hàng trong trung hạn” – FiinRatings đánh giá.

Cuối cùng, hồ sơ vốn và khả năng sinh lời tiếp tục là những điểm mạnh chính về tín dụng của Ngân hàng, và vị thế rủi ro của Techcombank được duy trì đánh giá ở mức "Phù hợp".

Cập nhật mới về hoạt động kinh doanh bảo hiểm của Techcombank

Vào ngày 8/10/2024, Manulife Việt Nam và Techcombank công bố thông tin về việc ngừng mối quan hệ đối tác phân phối bảo hiểm độc quyền, có hiệu lực từ 14/10/2024.

Trước bối cảnh thị trường và chiến lược hai bên có nhiều thay đổi cùng những yêu cầu mới của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Techcombank và Manulife Việt Nam đã quyết định ngừng mối quan hệ đối tác độc quyền kể từ ngày 14/10/2024. Sau ngày này, các sản phẩm bảo hiểm của Manulife sẽ ngừng được phân phối qua kênh Techcombank. Techcombank sẽ tiếp tục hỗ trợ hướng dẫn khách hàng liên hệ làm việc với Manulife khi có yêu cầu về hợp đồng bảo hiểm đã ký kết. Theo các điều khoản trong thỏa thuận hợp tác ban đầu, Techcombank sẽ trả Manulife một khoản phí để chấm dứt hợp đồng, tương đương với 1.808 tỷ. Khoản phí này dự kiến sẽ được ghi nhận trong chi phí hoạt động của Ngân hàng trong báo cáo tài chính quý 4/2024.

Việc chấm dứt mối quan hệ hợp tác này hoàn toàn không gây ra bất kỳ ảnh hưởng nào đến quyền và lợi ích của các khách hàng đã tham hợp đồng bảo hiểm của Manulife Việt Nam thông qua Techcombank. Mọi quyền lợi theo hợp đồng của khách hàng sẽ không thay đổi và được Manulife đảm bảo đầy đủ. Đồng thời, Techcombank cam kết đồng hành cùng Manulife và khách hàng để quá trình chuyển giao diễn ra suôn sẻ, giúp khách hàng hiểu rằng không có bất kỳ thay đổi nào xảy ra với hợp đồng bảo hiểm của họ và an tâm tiếp tục duy trì hợp đồng bảo hiểm với Manulife Việt Nam.

Với tầm nhìn “Chuyển đổi ngành tài chính, Nâng tầm giá trị sống”, Techcombank sẽ tiếp tục thực thi chiến lược khách hàng là trọng tâm, cam kết mang đến những giải pháp tài chính giá trị và trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng bao gồm các sản phẩm bảo hiểm

nhân thọ và phi nhân thọ trong thời gian tới. Cũng trong tháng 10, Công ty cổ phần Bảo hiểm phi nhân thọ Techcom đã được thành lập, ghi dấu những bước tiến của Ngân hàng trong việc kiến tạo những giải pháp bảo hiểm phi nhân thọ khác biệt.

Hợp tác toàn diện cùng Bee Logistics Corporation

Trong tháng 8, Techcombank và Bee Logistics Corporation đã tổ chức thành công sự kiện ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện, mở ra một chương mới trong việc cung cấp các giải pháp tài chính và phi tài chính cho ngành logistics tại Việt Nam.

Theo thỏa thuận này, hai bên sẽ cùng nhau xem xét và khai thác tối đa các cơ hội hợp tác, cùng triển khai bộ giải pháp tài chính toàn diện: giải pháp quản lý dòng tiền tích hợp, giải pháp vốn lưu động, đầu tư cùng các giải pháp giao dịch và tài trợ cho hệ sinh thái của Bee Logistics. Với những giải pháp này, Techcombank cung cấp công cụ thanh toán để doanh nghiệp có thể giao thương dễ dàng, nắm bắt cơ hội và tối ưu chi phí. Đồng thời, giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực về quản trị nguồn vốn để đưa ra quyết định nhanh chóng, hiệu quả và gia tăng lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

Techcombank cam kết đồng hành cùng hệ sinh thái của Bee Logistics, cung cấp các giải pháp tài chính được thiết kế riêng, đáp ứng từng nhu cầu cụ thể của mỗi doanh nghiệp, theo đó, giúp các doanh nghiệp tăng cường năng lực cạnh tranh, mở rộng quy mô kinh doanh và nắm bắt những cơ hội mới trên thị trường.

Techcombank thu hút nhân tài tại Singapore và London

Chiến dịch Techcombank Overseas Talent Roadshow thu hút sự tham gia của nhiều ứng cử viên hiện đang sinh sống và làm việc tại Anh và các nước lân cận, với sự tham gia từ Ban lãnh đạo cấp cao của Ngân hàng.

Lần trở lại đất nước Anh sau sự thành công của Roadshow năm 2022 đã đem lại tiếng vang lớn, khẳng định vị thế của Techcombank trên thị trường quốc tế. Trong sự kiện, Ban lãnh đạo Ngân hàng và các ứng viên đã có những chia sẻ đầy cảm hứng và thảo luận hứng khởi về cơ hội nghề nghiệp tại Techcombank. Sự kiện tại London đã khép lại chuỗi hoạt động Overseas Talent Roadshow 2024 đầy ấn tượng của Ngân hàng.

Lan tỏa giá trị tích cực tới cộng đồng thông qua Giải Marathon Quốc tế Hà Nội Techcombank và các hoạt động trách nhiệm xã hội (CSR)

Ngày 22/9, tại Hà Nội, Giải Marathon Quốc tế Hà Nội Techcombank Mùa thứ 3 – Giải chạy Marathon biểu trưng của Thủ đô Hà Nội đã diễn ra thành công với sự tham gia của hơn 10.000 vận động viên đến từ 42 quốc gia. Đây không chỉ là cơ hội để các vận động viên tranh tài mà còn là một hành trình của tinh thần thể thao kiên định, mạnh mẽ. Nằm trong chuỗi các hoạt động kỷ niệm 70 năm Giải phóng Thủ đô, mùa giải thứ 3 đã tôn vinh những giá trị lịch sử, văn hóa đồng thời góp phần kết nối cộng đồng và lan tỏa tinh thần thể thao, ý nghĩa nhân văn, gắn kết.

Không chỉ vậy, đối mặt với cơn bão Yagi và các biến thể sau bão, Techcombank đã nhanh chóng chung tay hỗ trợ đồng bào và các đồng nghiệp bị thiệt hại. Techcombank trao 3 tỷ đồng hỗ trợ đồng bào thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ngoài ra, Ngân hàng cũng triển khai chương trình cam kết đóng góp thêm số tiền tương ứng từ CBNV để nhân đôi sự đồng hành của toàn hàng hướng tới đồng bào gặp khó khăn.

GIẢI THƯỞNG VÀ CÁC GHI NHẬN KHÁC

Trong quý 3/2024, Techcombank đã được các tổ chức quốc tế ghi nhận với những thành tựu vượt trội trong hoạt động nhân sự:

- Giải thưởng Stevie Awards cho Nhà tuyển dụng xuất sắc (Stevie Awards for Great Employers 2024)
    - Giải Bạc - Nhà tuyển dụng của năm ngành Ngân hàng
    - Giải Đồng - Thành tựu ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực nhân sự.
- Giải thưởng “Nơi làm việc tốt nhất châu Á” (Best Workplaces in Asia) – trao bởi tổ chức uy tín Great Place to Work – năm thứ 2 liên tiếp.

Tìm hiểu thêm về KQKD của chúng tôi:

Techcombank sẽ tổ chức chuỗi sự kiện Công bố Kết quả kinh doanh 9 tháng năm 2024, bao gồm sự kiện Gặp gỡ nhà đầu tư tổ chức và chuyên gia phân tích vào 14:45 ngày 22/10/2024 và sự kiện Gặp gỡ nhà đầu tư cá nhân vào 14:45 ngày 23/10/2024. Thông tin tham gia 2 sự kiện cụ thể như sau:

1. Sự kiện *Gặp gỡ nhà đầu tư tổ chức và chuyên gia phân tích* diễn ra vào ngày 22/10/2024

- English: https://www.youtube.com/live/UTAIUVBYqGQ
- Vietnamese: https://www.youtube.com/live/nb7elA2tR5U

2. Sự kiện *Gặp gỡ nhà đầu tư cá nhân* (chỉ có Tiếng Việt) diễn ra vào ngày 23/10/2024

- Youtube: https://youtube.com/live/N5FzpxsLqXI?feature=share
- Facebook: https://www.facebook.com/events/1226903871861083/?ref=newsfeed

Video và bài trình bày sẽ được đăng tải tại Công bố kết quả kinh doanh.

Thông tin báo chí, vui lòng liên hệ:	**Thông tin NĐT, vui lòng liên hệ:**
Nguyễn Thi Bích Thủy	**Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư**
Email: thuyntb5@techcombank.com.vn	**Email:** ir@techcombank.com.vn

Về Techcombank

Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank), với tầm nhìn "Chuyển đổi ngành tài chính, Nâng tầm giá trị sống" là một trong những ngân hàng cổ phần lớn nhất Việt Nam, và là một trong những ngân hàng hàng đầu khu vực châu Á. Theo đuổi chiến lược lấy khách hàng là trọng tâm, Techcombank hiện đang cung cấp các giải pháp tài chính và dịch vụ ngân hàng đa dạng cho 14,8 triệu khách hàng, bao gồm khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp thông qua mạng lưới điểm giao dịch trải dài khắp Việt Nam cũng như dịch vụ ngân hàng số dẫn đầu thị trường. Phương pháp tiếp cận hệ sinh thái, hợp tác đối tác của Ngân hàng trong nhiều lĩnh vực kinh tế chủ chốt giúp tạo nên sự khác biệt cho Techcombank tại một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất thế giới. Techcombank là ngân hàng Việt Nam duy nhất đạt giải thưởng "Ngân hàng tốt nhất Việt

Nam", đặc biệt trong 1 năm, bởi ba tổ chức uy tín hàng đầu thế giới Euromoney, Global Finance và FinanceAsia.

Techcombank hiện được FiinRatings xếp hạng tín nhiệm AA-, được Moody's đánh giá mức tín dụng cơ bản (BCA) là ba3 và được S&P xếp hạng BB-. Ngân hàng được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HoSE) với mã chứng khoán TCB.

Danh sách các từ viết tắt:

APE – Doanh thu khai thác mới	*NPL* – Nợ xấu
LC – Thư tín dụng	*LNTT* – Lợi nhuận trước thuế
CAR – Tỷ lệ an toàn vốn	*Q1, Q2, Q3, Q4* – Quý 1,2,3,4
CASA – Tiền gửi không kỳ hạn	*ROA* – Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản
CIBG – Khối Ngân hàng Doanh nghiệp và Định chế tài chính	*ROE* – Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
CIR – Tỷ lệ chi phí trên thu nhập	*SME* – Doanh nghiệp vừa và nhỏ
IB – Ngân hàng đầu tư	*TCBS* – Công ty chứng khoán kỹ thương
LDR – Tỷ lệ cho vay trên tiền gửi	*TOI* – Tổng thu nhập hoạt động
NII – Thu nhập lãi thuần	*VND* – Đồng
NFI – Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	*N/N* – Năm trên năm
NIM – Biên lãi thuần	*Q/Q* – Quý trên quý

Bảng cân đối (Tỷ đồng)	3Q23	4Q23	1Q24	2Q24	3Q24	Q/Q	Y/Y
Tổng tài sản	781.279	849.482	885.653	908.307	927.053	2,1%	18,7%
Tiền gửi từ khách hàng	409.045	454.661	458.041	481.860	494.954	2,7%	21,0%
Tăng trưởng tín dụng[1]	11,4%	19,2%	6,4%	11,6%	17,4%	+576 bps	+593 bps
Tỷ lệ CASA[6]	33,6%	39,9%	42,5%	40,3%	40,5%	+16 bps	+684 bps
Tỷ lệ nợ xấu (NPL)	1,40%	1,19%	1,17%	1,28%	1,35%	+6 bps	-5 bps
Chi phí tín dụng (12 tháng gần nhất)	0,7%	0,8%	0,9%	1,1%	1,1%	+1 bps	+38 bps
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu	93,0%	102,1%	105,9%	101,0%	103,4%	+237 bps	+1.036 bps

Vốn và thanh khoản	3Q23	4Q23	1Q24	2Q24	3Q24	Q/Q	N/N
Tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II	15,0%	14,3%	14,2%	14,5%	15,1%	+56 bps	+4 bps
Tỷ lệ Basel II Cấp 1	14,8%	13,9%	13,8%	14,2%	14,6%	+40 bps	-28 bps
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn[2]	30,5%	26,4%	25,1%	24,2%	24,2%	0 bps	-634 bps
Tỷ lệ cho vay trên tiền gửi (LDR)[2]	76,7%	77,4%	78,5%	79,6%	82,2%	+260 bps	+547 bps

Khả năng sinh lời (Tỷ đồng)	3Q23	3Q24	N/N	9M23	9M24	N/N
Thu nhập lãi thuần	7.272	8.929	22,8%	20.094	26.906	33,9%
Thu nhập ngoài lãi	3.146	2.826	-10,2%	8.950	10.530	17,7%
Tổng thu nhập hoạt động	10.418	11.754	12,8%	29.044	37.436	28,9%
Chi phí hoạt động	(3.631)	(3.431)	-5,5%	(9.642)	(10.629)	10,2%
Thu nhập trước thuế	5.843	7.214	23,5%	17.115	22.842	33,5%
NFI/TOI[3]	26,3%	21,9%	-440 bps	24,9%	22,8%	-218 bps
CIR	34,8%	29,2%	-566 bps	33,2%	28,4%	-480 bps
ROA (LTM)	2,4%	2,6%	+22 bps	2,4%	2,6%	+22 bps
ROE (LTM)	14,6%	16,8%	+217 bps	14,6%	16,8%	+217 bps
NIM (LTM)	4,1%	4,3%	+21 bps	4,1%	4,3%	+21 bps
Chi phí vốn	4,7%	3,4%	-132 bps	5,1%	3,3%	-181 bps

Ghi chú:

1. Thu nhập từ phí bao gồm phí phân phối trái phiếu và kinh doanh ngoại hối
2. Tăng trưởng tín dụng theo quy định của NHNN
3. Số báo cáo riêng lẻ, hạn mức của NHNN là 30%
4. Số báo cáo riêng lẻ, hạn mức của NHNN là 85%
5. Thu nhập từ phí bao gồm phí từ phân phối trái phiếu và kinh doanh ngoại hối, thu nhập hoạt động không bao gồm nợ đã xử lý từ nguồn DPRR
6. Số dư và tỷ lệ CASA bao gồm số dư Sinh lời tự động trong cấu phần "SA", trừ khi có ghi chú khác

Công thức tính các chỉ số tài chính

Chỉ số	Công thức
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (NPL)	$\frac{Quỹ\ dự\ phòng\ cho\ vay\ khách\ hàng}{Nợ\ xấu}$
Chỉ số CASA	$\frac{Tiền\ gửi\ không\ kỳ\ hạn\ +\ Tiền\ gửi\ ký\ quỹ}{Tổng\ tiền\ gửi\ của\ khách\ hàng}$
ROA LTM	$\frac{LNST\ 4\ quý\ gần\ nhất}{Trung\ bình\ tổng\ tài\ sản\ 5\ quý\ gần\ nhất\ )}$
ROE LTM	$\frac{LNST\ sau\ lợi\ ích\ cổ\ đông\ không\ kiểm\ soát\ 4\ quý\ gần\ nhất}{Trung\ bình\ tổng\ nguồn\ vốn\ trước\ lợi\ ích\ của\ cổ\ đông\ không\ kiểm\ soát\ 5\ quý\ gần\ nhất\ t)}$
NIM LTM	$\frac{Thu\ nhập\ lãi\ thuần\ 4\ quý\ gần\ nhất}{Trung\ bình\ tài\ sản\ sinh\ lãi\ 5\ quý\ gần\ nhất}$
Chi phí tín dụng	$\frac{Chi\ phí\ dự\ phòng\ cho\ vay\ và\ trái\ phiếu\ doanh\ nghiệp\ 4\ quý\ gần\ nhất}{Trung\ bình\ cho\ vay\ và\ trái\ phiếu\ doanh\ nghiệp\ đầu\ kỳ\ và\ cuối\ kỳ}$
Chi phí tín dụng sau thu hồi nợ	$\frac{Chi\ phí\ dự\ phòng\ cho\ vay\ và\ trái\ phiếu\ doanh\ nghiệp\ -\ thu\ hồi\ nợ\ 4\ quý\ gần\ nhất}{Trung\ bình\ cho\ vay\ và\ trái\ phiếu\ doanh\ nghiệp\ đầu\ kỳ\ và\ cuối\ kỳ}$

- Không bao gồm quỹ dự phòng cho vay ký quỹ
- Không bao gồm nợ xấu cho vay ký quỹ

- Trong đó: Tài sản sinh lãi bao gồm: Số dư với NHNN, Số dư tại các tổ chức tín dụng, các khoản cho vay khách hàng, chứng khoán đầu tư – trái phiếu.

- Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng (không bao gồm cho vay ký quỹ) và trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết (không bao gồm trái phiếu doanh nghiệp niêm yết).
- Cho vay khách hàng không bao gồm cho vay ký quỹ

Công thức tính các chỉ số tài chính

Chỉ số	Công thức
Lợi tức tài sản hàng quý	$\frac{Thu\ nhập\ lãi\ trong\ quý * 4}{Trung\ bình\ tài\ sản\ sinh\ lãi}$
Lãi suất cho vay hàng quý	$\frac{Thu\ nhập\ lãi\ từ\ cho\ vay\ trong\ quý * 4}{Trung\ bình\ cho\ vay}$
Chi phí vốn hàng quý	$\frac{Chi\ phí\ lãi\ trong\ quý * 4}{Trung\ bình\ huy\ động}$
Lãi suất tiền gửi	$\frac{Chi\ phí\ lãi\ tiền\ gửi\ trong\ quý * 4}{Trung\ bình\ tiền\ gửi\ của\ khách\ hàng}$

- Trong đó: Tài sản sinh lãi bao gồm: Số dư NHNN, Số dư các tổ chức tín dụng, các khoản cho vay khách hàng, chứng khoán đầu tư.

Indicators	Formula
NPL coverage ratio	$\frac{Provision\ reserves\ for\ loans\ to\ customers}{NPL\ balance}$
CASA ratio	$\frac{Demand\ deposits + Margin\ deposits}{Total\ deposits\ from\ customers}$
ROA LTM	$\frac{PAT\ for\ the\ consecutive\ 4\ quarters}{Average\ total\ assets\ (over\ 5\ latest\ quarters)}$
ROE LTM	$\frac{PAT\ post\ NCI\ for\ the\ consecutive\ 4\ quarters}{Average\ equities\ excl.NCI\ (over\ 5\ latest\ quarters)}$
NIM LTM	$\frac{NII\ for\ interest\ earning\ assets\ for\ the\ consecutive\ 4\ quarters}{Average\ interest\ earning\ assets\ (over\ 5\ latest\ quarters)}$
Credit cost LTM	$\frac{Provision\ expenses\ for\ loans\ and\ corporate\ bonds\ for\ the\ consecutive\ 4\ quarters}{Average\ loans\ and\ corporate\ bonds\ (opening\ and\ ending\ balances)}$
Credit cost net recoveries	$\frac{Provision\ expenses\ for\ loans\ and\ corporate\ bonds\ -recoveries\ for\ the\ consecutive\ 4\ quarters}{Average\ loans\ and\ corporate\ bonds\ (opening\ and\ ending\ balances)}$

- Excluding provision reserves for margin lending
- NPL balance excludes margin lending

- Interest earning assets comprise: Balance with SBV, Deposits and loans to other credit institutions, Loans to customers, and debt investment securities

- Provision expenses for credit losses are for loans to customers (excl. margin lending) and unlisted corporate bonds (excl. for listed corporate bonds).
- Loans to customers balance excludes margin lending

Indicators	Formula
Asset yield	$\frac{Interest\ income\ for\ the\ quarter\ *4}{Average\ daily\ interest\ earning\ assets}$
Loan yield	$\frac{Interest\ income\ from\ loans\ for\ the\ quarter\ *4}{Average\ daily\ loan\ balance}$
Cost of fund	$\frac{Interest\ expenses\ for\ the\ quarter\ *4}{Average\ daily\ funding\ balance}$
Deposit yield	$\frac{Interest\ expenses\ for\ deposits\ for\ the\ quarter\ *4}{Average\ daily\ deposit\ balance}$

- Interest earning assets comprise: Balance with SBV, Balance at credit institutions, loans to customers, and investment securities